

Tư tưởng Hội Long Hoa và sự tiếp biến trong văn hóa Phật giáo Việt Nam

ISSN: 2734-9195 13:16 18/12/2025

Hội Long Hoa là một hình tượng tổng hợp của triết lý – tôn giáo – văn hóa, biểu hiện niềm tin bền vững của nhân loại vào thiện pháp và công bằng vũ trụ.

Tác giả: **Nguyễn Thị Thanh Thúy (Thích nữ Tuệ Hòa)**

Lớp HVCK K4, Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế

1. Dẫn nhập

Trong lịch sử tư tưởng Phật giáo, niềm tin về sự xuất hiện của Phật Di Lặc (弥勒) và Hội Long Hoa (龙华) chiếm vị trí đặc biệt quan trọng. Đây không chỉ là hình ảnh tôn giáo, mà còn là biểu tượng của niềm hy vọng nhân loại – thời kỳ hoan hỷ, bình đẳng và giác ngộ, khi mọi khổ đau được hóa giải. Ở Việt Nam, tư tưởng ấy được Việt hóa và dân gian hóa, kết hợp giữa triết lý Phật giáo Đại thừa với niềm tin bản địa về “thế giới cứu rỗi”, trở thành một phần của tư tưởng đạo đức và tinh thần nhân văn Việt Nam.

Sự tiếp nhận và Việt hóa tư tưởng Di Lặc cho phép nhận diện cách thức xã hội Việt Nam chuyển hóa triết lý cứu thế thành mô hình đạo đức cộng đồng và biểu tượng văn hóa thẩm mỹ.

Việc khảo sát Hội Long Hoa không chỉ góp phần hiểu rõ bản chất của Phật giáo Việt Nam mà còn giúp giải mã đời sống tinh thần và tâm thức tôn giáo của dân tộc qua nhiều thời kỳ.

2. Cơ sở kinh điển và ý nghĩa tư tưởng của Hội Long Hoa

2.1. Cơ sở kinh điển

Theo Phật Thuyết Di Lặc Hạ Sinh Thành Phật Kinh , Đức Phật Thích Ca đã thọ ký cho Phật Di Lặc:



, 

. 

, 

.

,

[1].

Đại sư sở thọ ký, đương lai Phật hạ sinh. Bỉ xứ vi Từ Thị, như tiền hậu Kinh thuyết. Duy nguyện nhân trung tôn, gia đà trọng phân biệt. Bỉ thần thông oai đức, Ngã kim nhạo dục văn. Phật cáo Xá Lợi Tử, ưng chí tâm đế thính. Đương lai Từ Thị tôn, vi như quảng tuyên thuyết. (Đại sư đã thọ ký rang, đức Phật đương lai hạ sinh có tên là Từ Thị, như các Kinh trước sau đã nói. Cúi xin bậc Tôn quý trong loài người, hãy vì chúng con mà chú trọng phân biệt những oai đức thần thông của Ngài, con nay mong được lắng nghe. Phật bảo Xá Lợi Tử, hãy lắng nghe cho kỹ, về bậc tôn giả Từ Thị trong đời vị lai, ta sẽ vì ông mà rộng nói).

Theo Di Lặc Hạ Sinh Kinh 𑖀𑖄𑖔𑖒𑖘𑖚𑖛𑖜𑖞𑖟𑖡𑖢𑖣𑖤𑖥𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑗀𑖿𑗁𑗂𑗃𑗄𑗅𑗆𑗇𑗈𑗉𑗊𑗋𑗌𑗍𑗎𑗏𑗐𑗑𑗒𑗓𑗔𑗕𑗖𑗗𑗘𑗙𑗚𑗛𑗜𑗝𑗞𑗟𑗠𑗡𑗢𑗣𑗤𑗥𑗦𑗧𑗨𑗩𑗪𑗫𑗬𑗭𑗮𑗯𑗰𑗱𑗲𑗳𑗴𑗵𑗶𑗷𑗸𑗹𑗺𑗻𑗼𑗽𑗾𑗿𑘀𑘁𑘂𑘃𑘄𑘅𑘆𑘇𑘈𑘉𑘊𑘋𑘌𑘍𑘎𑘏𑘐𑘑𑘒𑘓𑘔𑘕𑘖𑘗𑘘𑘙𑘚𑘛𑘜𑘝𑘞𑘟𑘠𑘡𑘢𑘣𑘤𑘥𑘦𑘧𑘨𑘩𑘪𑘫𑘬𑘭𑘮𑘯𑘰𑘱𑘲𑘳𑘴𑘵𑘶𑘷𑘸𑘹𑘺𑘻𑘼𑘽𑘾𑘿𑙀𑙁𑙂𑙃𑙄𑙅𑙆𑙇𑙈𑙉𑙊𑙋𑙌𑙍𑙎𑙏𑙐𑙑𑙒𑙓𑙔𑙕𑙖𑙗𑙘𑙙𑙚𑙛𑙜𑙝𑙞𑙟𑙠𑙡𑙢𑙣𑙤𑙥𑙦𑙧𑙨𑙩𑙪𑙫𑙬𑙭𑙮𑙯𑙰𑙱𑙲𑙳𑙴𑙵𑙶𑙷𑙸𑙹𑙺𑙻𑙼𑙽𑙾𑙿𑚀𑚁𑚂𑚃𑚄𑚅𑚆𑚇𑚈𑚉𑚊𑚋𑚌𑚍𑚎𑚏𑚐𑚑𑚒𑚓𑚔𑚕𑚖𑚗𑚘𑚙𑚚𑚛𑚜𑚝𑚞𑚟𑚠𑚡𑚢𑚣𑚤𑚥𑚦𑚧𑚨𑚩𑚪𑚫𑚬𑚭𑚮𑚯𑚰𑚱𑚲𑚳𑚴𑚵𑚷𑚶𑚸𑚹𑚺𑚻𑚼𑚽𑚾𑚿𑛀𑛁𑛂𑛃𑛄𑛅𑛆𑛇𑛈𑛉𑛊𑛋𑛌𑛍𑛎𑛏𑛐𑛑𑛒𑛓𑛔𑛕𑛖𑛗𑛘𑛙𑛚𑛛𑛜𑛝𑛞𑛟𑛠𑛡𑛢𑛣𑛤𑛥𑛦𑛧𑛨𑛩𑛪𑛫𑛬𑛭𑛮𑛯𑛰𑛱𑛲𑛳𑛴𑛵𑛶𑛷𑛸𑛹𑛺𑛻𑛼𑛽𑛾𑛿𑜀𑜁𑜂𑜃𑜄𑜅𑜆𑜇𑜈𑜉𑜊𑜋𑜌𑜍𑜎𑜏𑜐𑜑𑜒𑜓𑜔𑜕𑜖𑜗𑜘𑜙𑜚𑜛𑜜𑜝𑜞𑜟𑜠𑜡𑜢𑜣𑜤𑜥𑜦𑜧𑜨𑜩𑜪𑜫𑜬𑜭𑜮𑜯𑜰𑜱𑜲𑜳𑜴𑜵𑜶𑜷𑜸𑜹𑜺𑜻𑜼𑜽𑜾𑜿𑝀𑝁𑝂𑝃𑝄𑝅𑝆𑝇𑝈𑝉𑝊𑝋𑝌𑝍𑝎𑝏𑝐𑝑𑝒𑝓𑝔𑝕𑝖𑝗𑝘𑝙𑝚𑝛𑝜𑝝𑝞𑝟𑝠𑝡𑝢𑝣𑝤𑝥𑝦𑝧𑝨𑝩𑝪𑝫𑝬𑝭𑝮𑝯𑝰𑝱𑝲𑝳𑝴𑝵𑝶𑝷𑝸𑝹𑝺𑝻𑝼𑝽𑝾𑝿𑞀𑞁𑞂𑞃𑞄𑞅𑞆𑞇𑞈𑞉𑞊𑞋𑞌𑞍𑞎𑞏𑞐𑞑𑞒𑞓𑞔𑞕𑞖𑞗𑞘𑞙𑞚𑞛𑞜𑞝𑞞𑞟𑞠𑞡𑞢𑞣𑞤𑞥𑞦𑞧𑞨𑞩𑞪𑞫𑞬𑞭𑞮𑞯𑞰𑞱𑞲𑞳𑞴𑞵𑞶𑞷𑞸𑞹𑞺𑞻𑞼𑞽𑞾𑞿𑟀𑟁𑟂𑟃𑟄𑟅𑟆𑟇𑟈𑟉𑟊𑟋𑟌𑟍𑟎𑟏𑟐𑟑𑟒𑟓𑟔𑟕𑟖𑟗𑟘𑟙𑟚𑟛𑟜𑟝𑟞𑟟𑟠𑟡𑟢𑟣𑟤𑟥𑟦𑟧𑟨𑟩𑟪𑟫𑟬𑟭𑟮𑟯𑟰𑟱𑟲𑟳𑟴𑟵𑟶𑟷𑟸𑟹𑟺𑟻𑟼𑟽𑟾𑟿𑠀𑠁𑠂𑠃𑠄𑠅𑠆𑠇𑠈𑠉𑠊𑠋𑠌𑠍𑠎𑠏𑠐𑠑𑠒𑠓𑠔𑠕𑠖𑠗𑠘𑠙𑠚𑠛𑠜𑠝𑠞𑠟𑠠𑠡𑠢𑠣𑠤𑠥𑠦𑠧𑠨𑠩𑠪𑠫𑠬𑠭𑠮𑠯𑠰𑠱𑠲𑠳𑠴𑠵𑠶𑠷𑠸𑠺𑠹𑠻𑠼𑠽𑠾𑠿𑡀𑡁𑡂𑡃𑡄𑡅𑡆𑡇𑡈𑡉𑡊𑡋𑡌𑡍𑡎𑡏𑡐𑡑𑡒𑡓𑡔𑡕𑡖𑡗𑡘𑡙𑡚𑡛𑡜𑡝𑡞𑡟𑡠𑡡𑡢𑡣𑡤𑡥𑡦𑡧𑡨𑡩𑡪𑡫𑡬𑡭𑡮𑡯𑡰𑡱𑡲𑡳𑡴𑡵𑡶𑡷𑡸𑡹𑡺𑡻𑡼𑡽𑡾𑡿𑢀𑢁𑢂𑢃𑢄𑢅𑢆𑢇𑢈𑢉𑢊𑢋𑢌𑢍𑢎𑢏𑢐𑢑𑢒𑢓𑢔𑢕𑢖𑢗𑢘𑢙𑢚𑢛𑢜𑢝𑢞𑢟𑢠𑢡𑢢𑢣𑢤𑢥𑢦𑢧𑢨𑢩𑢪𑢫𑢬𑢭𑢮𑢯𑢰𑢱𑢲𑢳𑢴𑢵𑢶𑢷𑢸𑢹𑢺𑢻𑢼𑢽𑢾𑢿𑣀𑣁𑣂𑣃𑣄𑣅𑣆𑣇𑣈𑣉𑣊𑣋𑣌𑣍𑣎𑣏𑣐𑣑𑣒𑣓𑣔𑣕𑣖𑣗𑣘𑣙𑣚𑣛𑣜𑣝𑣞𑣟𑣠𑣡𑣢𑣣𑣤𑣥𑣦𑣧𑣨𑣩𑣪𑣫𑣬𑣭𑣮𑣯𑣰𑣱𑣲𑣳𑣴𑣵𑣶𑣷𑣸𑣹𑣺𑣻𑣼𑣽𑣾𑣿𑤀𑤁𑤂𑤃𑤄𑤅𑤆𑤇𑤈𑤉𑤊𑤋𑤌𑤍𑤎𑤏𑤐𑤑𑤒𑤓𑤔𑤕𑤖𑤗𑤘𑤙𑤚𑤛𑤜𑤝𑤞𑤟𑤠𑤡𑤢𑤣𑤤𑤥𑤦𑤧𑤨𑤩𑤪𑤫𑤬𑤭𑤮𑤯𑤰𑤱𑤲𑤳𑤴𑤵𑤶𑤷𑤸𑤹𑤺𑤻𑤼𑤽𑤾𑤿𑥀𑥁𑥂𑥃𑥄𑥅𑥆𑥇𑥈𑥉𑥊𑥋𑥌𑥍𑥎𑥏𑥐𑥑𑥒𑥓𑥔𑥕𑥖𑥗𑥘𑥙𑥚𑥛𑥜𑥝𑥞𑥟𑥠𑥡𑥢𑥣𑥤𑥥𑥦𑥧𑥨𑥩𑥪𑥫𑥬𑥭𑥮𑥯𑥰𑥱𑥲𑥳𑥴𑥵𑥶𑥷𑥸𑥹𑥺𑥻𑥼𑥽𑥾𑥿𑦀𑦁𑦂𑦃𑦄𑦅𑦆𑦇𑦈𑦉𑦊𑦋𑦌𑦍𑦎𑦏𑦐𑦑𑦒𑦓

□ □□ □ □ □ □□□ □ □ □□ □ □ □ □ □ □ □□ □ □ □ □ □
□□□ □ □ □ □ □ □□ □ □ □ □□ □ □ □ □ □ [2]□ Nhĩ thời, Thế
Tôn cáo A Nan ngôn: “Ngô kim cáo nhữ, Di Lặc Bồ Tát đương hạ sinh nhân gian,
thành vô thượng chính đẳng chính giác. Kỳ xứ danh viết Long Hoa thụ hạ, khai
tam hội thuyết pháp, độ thoát vô lượng chúng sinh.” (Khi ấy, đức Thế Tôn bảo
ngài A Nan rằng: “Nay ta nói cho ông biết, Bồ Tát Di Lặc sẽ giáng sinh xuống
nhân gian, thành bậc Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Ngài sẽ thuyết pháp
dưới cây Long Hoa, mở ba kỳ pháp hội, cứu độ vô lượng chúng sinh).”

Theo Di Lặc Thành Phât Kinh 卐 卐 卐 卐 卐 :

[3] Di Lặc Bồ Tát hạ sinh thành Phật, thời Long Hoa thụ hoa khai mẫn thế, tam hội thuyết pháp, cửu thập lục ức chúng sinh đắc A La Hán quả. (Khi Bồ Tát Di Lặc giáng sinh thành Phật, hoa cây Long Hoa nở rộ khắp thế gian; trong ba kỳ pháp hội, chín mươi sáu ức chúng sinh chứng quả A-la-hán).

Các kinh Di Lặc Hạ Sinh, Di Lặc Thành Phật và các phẩm tương quan trong Pháp Hoa mô tả Di Lặc như vị Phật tương lai sẽ thành đạo dưới cây Long Hoa và mở ba hội thuyết pháp cứu độ chúng sinh. Đây là ba kỳ pháp hội độ hết thủy thượng – trung – hạ căn, được gọi chung là Long Hoa Tam Hội. Học thuyết này gắn liền với quan niệm chu kỳ pháp vận: Chính pháp – Tượng pháp – Mạt pháp – Phục hưng pháp, trong đó Di Lặc đảm nhiệm vai trò tái lập Chính pháp khi nhân loại suy đồi.

thế gian, đem lại thời kỳ hòa bình và giác ngộ phổ quát.

Khi vào Việt Nam, tư tưởng ấy được dân gian hóa thành niềm tin “*trời Phật thương dân*”, nhấn mạnh sự bảo hộ của thần linh đối với con người lương thiện, khơi dậy ý thức hướng thiện để được cứu.

Ở bình diện triết học – nhân sinh, quan niệm Phật giáo về chu kỳ vũ trụ “*mạt pháp – phục hưng*” tương ứng với tư tưởng Việt “*thời loạn sinh thánh*”, phản ánh niềm tin vào khả năng phục hồi đạo lý và công bằng trong xã hội.

Về xã hội – đạo đức, giáo lý Phật giáo cho rằng người thiện được dự hội, kẻ ác bị bỏ lại; điều này được Việt hóa thành cơ chế đạo đức cộng đồng, khuyến khích lối sống nhân nghĩa, xây dựng mô hình xã hội công bằng.

Trên phương diện biểu tượng mỹ học, cây Long Hoa và hoa nở khi Phật xuất thế tượng trưng cho ánh sáng giác ngộ, còn hình tượng nụ cười Di Lặc trong văn hóa Việt trở thành biểu trưng của niềm hoan hỷ, thịnh trị và an lạc.

Như vậy, từ một tư tưởng tôn giáo mang tính “*tương lai luận*”, Hội Long Hoa đã được Việt hóa, trở thành hình tượng văn hóa – đạo đức hiện thực, nuôi dưỡng nhân tâm và góp phần kiến tạo bản sắc tinh thần của dân tộc.

3. Hội Long Hoa trong văn hóa và tín ngưỡng Việt Nam

3.1. Dòng Phật giáo truyền thống

Từ thời Lý – Trần, tư tưởng về Phật Di Lặc và Hội Long Hoa đã được tiếp nhận và biểu hiện rõ trong sinh hoạt Phật giáo chính thống của Đại Việt. Đây là giai đoạn Phật giáo phát triển cực thịnh, đóng vai trò quốc giáo, nơi mà niềm tin vào Vị lai phật ☸ ☸ ☸ trở thành biểu tượng cho hy vọng phục hưng đạo pháp và xây dựng xã hội an lạc.

Các pho tượng Di Lặc được tạc trong các ngôi quốc tự như chùa Phật Tích (Bắc Ninh), chùa Quỳnh Lâm (Đông Triều) hay chùa Bút Tháp (Bắc Ninh) đều mang dáng vẻ hoan hỷ, an nhiên, bụng lớn – miệng cười, biểu trưng cho tâm lượng bao dung và trí tuệ viên mãn. Tượng Di Lặc trong giai đoạn này không đơn thuần là tượng thờ, mà còn là tuyên ngôn nghệ thuật và niềm tin chính trị – xã hội: phản ánh ước vọng của triều đình và tầng đồ về một kỷ nguyên hòa bình, nơi đạo pháp và nhân đạo đồng hành.

Tư tưởng ấy tương ứng với nhận thức triết học Phật giáo Đại thừa: Di Lặc là sự tiếp nối của Thích Ca, là hiện thân của “*chân như thường trụ*”, và Hội Long Hoa là sự tái hiện của Chính pháp trong tương lai. Vì thế, việc thờ Di Lặc ở Việt Nam từ rất sớm đã trở thành tín hiệu của một Phật giáo nhập thế, hướng đến nhân sinh và nhân quả hiện tiền, chứ không chỉ là tín ngưỡng thuần túy.

Tư tưởng Di Lặc đã xuất hiện trong các trung tâm Phật giáo lớn và trở thành biểu tượng của khát vọng thịnh trị quốc gia. Tượng Di Lặc thời Lý – Trần thể hiện phong thái hoan hỷ, khoan dung, mang bản sắc thẩm mỹ của Phật giáo Việt Nam.

Trong bối cảnh Phật giáo giữ vai trò tư tưởng chủ đạo, Di Lặc được xem như hình ảnh bảo hộ quốc gia, thể hiện kỳ vọng vào việc tái lập trật tự đạo lý và phần thịnh xã hội.

3.2. Trong tôn giáo bản địa Nam Bộ

Bước vào thế kỷ XIX, tư tưởng Hội Long Hoa được dân gian hóa và bản địa hóa mạnh mẽ trong không gian tôn giáo Nam Bộ – vùng đất mới hình thành, nơi Phật giáo hòa quyện với tín ngưỡng dân gian, Đạo Lão và Nho học. Trong bối cảnh xã hội biến động, thiên tai, chiến loạn và mất niềm tin vào chính trị trung ương, hình tượng Phật Di Lặc – vị Phật của thời tương lai được người dân tiếp nhận như biểu tượng cứu thế, đạo đức và công bằng. Các phong trào tôn giáo như Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Phật giáo Hòa Hảo và Cao Đài đều lấy Hội Long Hoa làm trọng tâm giáo lý.

Nam Bộ là không gian mang tính dung hợp văn hóa mạnh mẽ, nơi các yếu tố Phật – Nho – Lão và tín ngưỡng dân gian giao thoa. Tại đây, Hội Long Hoa được dân gian hóa trở thành học thuyết cứu thế phổ biến, xuất hiện trong các phong trào tôn giáo;

Bửu Sơn Kỳ Hương: xem Di Lặc hạ sinh mở Long Hoa hội để độ tận chúng sinh.

Tứ Ân Hiếu Nghĩa và Phật giáo Hòa Hảo: dùng Hội Long Hoa như quy phạm đạo đức hành thiện trong đời thường.

Đạo Cao Đài: đồng nhất Long Hoa với Tam Kỳ Phổ Độ, biểu tượng cho thời đại đại đồng, quy nguyên các tôn giáo.

Điểm nổi bật là Hội Long Hoa được Việt hóa mạnh, trở thành mô hình đạo đức – xã hội chứ không chỉ là giáo lý siêu hình. Các phong trào này sử dụng Hội Long Hoa như lời cảnh báo luân lý, nhấn mạnh nhân quả và trách nhiệm đạo đức với cộng đồng.

Tài liệu tham khảo:

1. Thích Nhất Hạnh (1967). [Phật Thuyết Di Lặc Hạ Sinh Thành Phật Kinh], Thích Nhất Hạnh dịch, Nhà xuất bản Văn Học.
2. Thích Nhất Hạnh (1967). [Di Lặc Hạ Sinh Kinh]. Thích Nhất Hạnh dịch (T.14, No. 453). Nhà xuất bản Văn Học, 1924.
3. Thích Nhất Hạnh (1967). [Di Lặc Thành Phật Kinh]. Thích Nhất Hạnh dịch (T.14, No. 454). Nhà xuất bản Văn Học.
4. Thích Nhất Hạnh (1967). [Phật Học Đại Từ Điển] Thích Nhất Hạnh dịch, Nhà xuất bản Văn Học.
5. Thích Nhất Hạnh (1967). [Pháp Hoa Kinh], Thích Nhất Hạnh dịch, Nhà xuất bản Văn Học, T09, No. 262.
6. Nguyễn Lang (1973). Việt Nam Phật giáo sử luận (Tập II). Nxb. Lá Bối.
7. Trần Văn Giàu (1980). Tư tưởng yêu nước trong Phật giáo Việt Nam. Hà Nội: Nxb. KHXH.
8. Lê Mạnh Thát (1999). Lịch sử Phật giáo Việt Nam (Tập 1). TP.HCM: Nxb. TP.HCM.